

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

**BẢN TỰ CÔNG BỐ SẢN PHẨM**  
**Số: 21/BM/2018**

**I. Thông tin về tổ chức, cá nhân tự công bố sản phẩm**

Tên tổ chức, cá nhân: **CÔNG TY CỔ PHẦN BÁNH MỨT KẸO BẢO MINH**

Địa chỉ: Lô B2-3-3A, Khu công nghiệp Nam Thăng Long (khu B), Phường  
Thụy Phương, Quận Bắc Từ Liêm, Thành phố Hà Nội.

Điện thoại: 0243.7192355 Fax: 0243.7191466

Email : banhkeobaominh@gmail.com

Mã số doanh nghiệp : 0101966872

Công ty thuộc diện không phải cấp Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm theo quy định.

**II. Thông tin về sản phẩm**

**1. Tên sản phẩm: BÁNH KHẢO SỮA ĐẬU XANH ĐẶC BIỆT**

**2. Thành phần:** Bột nếp, đường kính, đường gluco, sữa bột (6%), bột đậu xanh (5%), chất giữ ẩm (INS 420 (ii)), hương hoa bưởi tự nhiên, dầu thực vật, chất tạo màu tổng hợp (INS 160a (i)), hương liệu tổng hợp (hương đậu xanh, hương khảo).

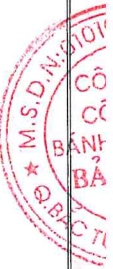
**3. Thời hạn sử dụng sản phẩm :** 04 tháng kể từ ngày sản xuất.

**4. Quy cách đóng gói và chất liệu bao bì :**

- Chất liệu bao bì : Sản phẩm được bao gói bằng khay nhựa PET, bao bì OPP/SCPP đảm bảo an toàn thực phẩm theo quy định của Bộ Y tế.

- Quy cách đóng gói:

Khối lượng tịnh: 10 g/gói, 20 g/gói, 30 g/gói, 35 g/gói, 40 g/gói, 45 g/gói, 50 g/gói, 60 g/gói, 65 g/gói, 70 g/gói, 75 g/gói, 80 g/gói, 85 g/gói, 90 g/gói, 100 g/gói, 110 g/gói, 115 g/gói, 120 g/gói, 130 g/gói, 140 g/gói, 150 g/gói, 160 g/gói, 170 g/gói, 180 g/gói, 190 g/gói, 200 g/gói, 210 g/gói, 220 g/gói, 240 g/gói, 250 g/gói, 270 g/gói, 280 g/gói, 300 g/gói, 310 g/gói, 320 g/gói, 340 g/gói, 350 g/gói, 360 g/gói, 390 g/gói, 400 g/gói, 410 g/gói, 420 g/gói, 440



g/gói, 450 g/gói, 480 g/gói, 490 g/gói, 500 g/gói.  
Hoặc đóng gói theo yêu cầu của khách hàng.

### III. Mẫu nhãn sản phẩm : Mẫu nhãn sản phẩm dự kiến

Sản xuất tại : CÔNG TY CỔ PHẦN BÁNH MÚT KẸO BẢO MINH

Địa chỉ : Lô B2-3-3A, Khu công nghiệp Nam Thăng Long (khu B), Phường Thụy  
Phương, Quận Bắc Từ Liêm, Thành phố Hà Nội.

CHGTSP : 12 Hàng Than – Ba Đình – Hà Nội.

GPKD số : 0101966872.

Điện Thoại : 0243.7192355 Fax: 0243.7191466

Email : [banhkeobaominh@gmail.com](mailto:banhkeobaominh@gmail.com) Website : [www.banhbaominh.com](http://www.banhbaominh.com)

ISO 22000 : 2005

## BÁNH KHẢO SỮA ĐẬU XANH ĐẶC BIỆT

**Thành phần:** Bột nếp, đường kính, đường gluco, sữa bột (6%), bột đậu xanh (5%), chất giữ ẩm (INS 420 (ii)), hương hoa bưởi tự nhiên, dầu thực vật, chất tạo màu tổng hợp (INS 160a (i)), hương liệu tổng hợp (hương đậu xanh, hương khảo).

### Chỉ tiêu chất lượng chủ yếu:

- H/l gluxit  $\geq 60$  %
- H/l đường tổng số  $\geq 20$  %
- H/l protein  $\geq 2$  %

### Thời hạn sử dụng:

+ 04 tháng kể từ ngày sản xuất, bảo quản nhiệt độ thường.

**Ngày sản xuất và Hạn sử dụng :** In trên bao bì.

**Khối lượng tịnh:** In trên bao bì.

**Thông tin, cảnh báo:** Bên trong bao bì có chứa gói hút Oxy không ăn được.

### Hướng dẫn sử dụng và bảo quản

- \* Sản phẩm chín ăn liền.
- \* Bảo quản ở nhiệt độ thường, để nơi sạch sẽ, thoáng mát, tránh ánh nắng trực tiếp, tránh xa nguồn ô nhiễm và các hóa chất độc hại.

Sản xuất theo TCCS 21:2018/BM. Bản tự công bố Số: 21/BM/2018

**Xuất xứ :** Việt Nam.

872  
CÔNG TY  
CỔ PHẦN  
BÁNH MÚT  
KẸO BẢO MINH

#### IV. Yêu cầu về an toàn thực phẩm

- Tiêu chuẩn nhà sản xuất đính kèm : TCCS 21:2018/BM

Chúng tôi xin cam kết thực hiện đầy đủ các quy định của pháp luật về an toàn thực phẩm và hoàn toàn chịu trách nhiệm về tính pháp lý của hồ sơ công bố và chất lượng, an toàn thực phẩm đối với sản phẩm đã công bố.

Hà Nội, ngày 10 tháng 08 năm 2018

ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC, CÁ NHÂN



TỔNG GIÁM ĐỐC

*Ngô Thị Linh*



Mã số/ Code: DV240603.01/03.1

## PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM/ TEST RESULT

### I. THÔNG TIN CHUNG/ GENERAL INFORMATION

1. Tên Khách hàng/ Customer's Name : CÔNG TY CỔ PHẦN BÁNH MỨT KẸO BẢO MINH
2. Địa chỉ/ Address : Lô B2-3-3A Khu Công Nghiệp Nam Thăng Long (Khu B), Phường Thụy Phương, Quận Bắc Từ Liêm, Hà Nội
3. Tên mẫu thử/ Name of Sample : Bánh Khảo Sữa Đậu Xanh Đặc Biệt
4. Mô tả mẫu/ Sample Description : Mẫu nguyên thành phẩm, đựng trong túi kin, NSX: 25/05/2024, HSD: 25/09/2024
5. Ngày nhận mẫu/ Date sample received : 03/06/2024
6. Thời gian lưu mẫu/ Sample retention time : Lưu mẫu 15 ngày sau thử nghiệm
7. Ngày thử nghiệm/ Date of test : 03/06/2024-14/06/2024
8. Ngày trả kết quả/ Date of issue : 14/06/2024

### II. KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM/ RESULT TABLE

STT No.	Chỉ tiêu Parameter(s)	Đơn vị Unit	Kết quả Result(s)	Phương pháp thử Test Method	Giới hạn cho phép
1	Trạng thái cảm quan	-	Bánh hình chữ nhật, bánh màu vàng nhạt, vị ngọt, hương thơm đặc trưng của sản phẩm, không có mùi vị lạ, không có tạp chất.	VNT.H.03.V.42	TCCS/ GMP <sup>(1)</sup>
2	Trị số acid	mgKOH/g	0,17	Ref. TCVN 6127:2010	TCCS/ GMP <sup>(1)</sup>
3	Đường tổng số	%	44	TCVN 4074:2009	TCCS/ GMP <sup>(1)</sup>
4	Carbohydrate	%	83,37	VNT.H.03.Fo.187	TCCS/ GMP <sup>(1)</sup>
5	Chất đạm (Protein)*	%	5,78	TCVN 8125:2015	TCCS/ GMP <sup>(1)</sup>

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm/ Test result in this report are valid only for the items tested.
2. Không được trích dẫn một phần kết quả này nếu không được sự đồng ý của VNTEST/ This report will not be reproduced or republished without VNTEST approval.
3. Tên mẫu và tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của khách hàng/ Name of sample and customer are written as customer's request.
4. Các chỉ tiêu được công nhận ISO/IEC 17025:2017 đánh dấu (\*), thực hiện bởi nhà thầu phụ đánh dấu (\*\*)/ Items are accredited ISO/IEC 17025:2017 (\*), Items are tested by subcontractors (\*\*).
5. Chỉ tiêu được Bộ Nông nghiệp & Phát triển nông thôn chỉ định đánh dấu (a), được Bộ Tài nguyên & Môi trường cấp giấy chứng nhận Vimcerts đánh dấu (b)/ Items designated by Ministry of agriculture and rural development (a), The Ministry of Natural Resources and Environment issued a certificate of eligibility to provide environmental monitoring services (b).
6. Không nhận khiếu nại trong trường hợp không có mẫu lưu hoặc hết hạn lưu mẫu theo quy định/ We shall not accept any complaint in case the retention samples are expired or lack of retention samples.



Mã số/ Code: DV240603.01/03.1

STT No.	Chỉ tiêu Parameter(s)	Đơn vị Unit	Kết quả Result(s)	Phương pháp thử Test Method	Giới hạn cho phép
6	Chất béo (Fat)	%	2,7	TCVN 4072:2009	TCCS/ GMP <sup>(1)</sup>
7	Hàm lượng ẩm	%	7,81	TCVN 4069:2009	TCCS/ GMP <sup>(1)</sup>
8	Chất tạo màu: Beta-caroten (160a(i)) và 160a(ii))	mg/kg	43,69	VNT.H.03.Fo.267	150 <sup>(2)</sup>
9	Aflatoxin tổng (B1, B2, G1, G2)*	µg/kg	KPH (LOD = 1,2)	VNT.H.03.Fo.78 (2021) (Ref. AOAC 994.08)	4 <sup>(3)</sup>
10	Aflatoxin B1*	µg/kg	KPH (LOD = 1,2)	VNT.H.03.Fo.78 (2021) (Ref. AOAC 994.08)	2 <sup>(2)</sup>
11	Ochratoxin A (OTA)*	µg/kg	KPH (LOD = 0,5)	VNT.H.03.Fo.79 (2021)	3 <sup>(2)</sup>
12	Deoxynivalenol (DON)*	µg/kg	KPH (LOD = 30)	VNT.H.03.Fo.180 (2021)	750 <sup>(2)</sup>
13	Zearalenone (ZEN)*	µg/kg	KPH (LOD = 3)	VNT.H.03.Fo.181 (2021)	75 <sup>(3)</sup>
14	Cadimi (Cd)*	mg/kg	KPH (LOD = 0,01)	TCVN 8126:2009	0,4 <sup>(4)</sup>
15	Chì (Pb)*	mg/kg	KPH (LOD = 0,025)	TCVN 8126:2009	0,2 <sup>(4)</sup>
16	Arsen (As)*	mg/kg	KPH (LOD = 0,05)	VNT.H.03.Fo.98 (2022)	1 <sup>(5)</sup>
17	Dư lượng thuốc BVTV: Endosulfan	mg/kg	KPH (LOD = 0,01)	VNT.H.03.Fo.151 (Ref. AOAC 2007.01)	-
18	Tổng số vi sinh vật hiếu khí*	CFU/g	2,0 x 10 <sup>1</sup>	TCVN 4884-1:2015	10 <sup>4(5)</sup>
19	Tổng số nấm men - nấm mốc*	CFU/g	10	TCVN 8275-2:2010	10 <sup>2(5)</sup>
20	Coliforms*	CFU/g	KPH (LOD = 10)	TCVN 6848:2007	10 <sup>(5)</sup>
21	<i>E. coli</i> *	CFU/g	KPH (LOD = 10)	TCVN 7924-2:2008	3 <sup>(5)</sup>

- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm/ Test result in this report are valid only for the items tested.
- Không được trích dẫn một phần kết quả này nếu không được sự đồng ý của VNTEST/ This report will not be reproduced or republished without VNTEST approval.
- Tên mẫu và tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của khách hàng/ Name of sample and customer are written as customer's request.
- Các chỉ tiêu được công nhận ISO/IEC 17025:2017 đánh dấu (\*), thực hiện bởi nhà thầu phụ đánh dấu (\*\*)/ Items are accredited ISO/IEC 17025:2017 (\*), Items are tested by subcontractors (\*\*).
- Chỉ tiêu được Bộ Nông nghiệp & Phát triển nông thôn chỉ định đánh dấu (a), được Bộ Tài nguyên & Môi trường cấp giấy chứng nhận Vimcerts đánh dấu (b)/ Items designated by Ministry of agriculture and rural development (a), The Ministry of Natural Resources and Environment issued a certificate of eligibility to provide environmental monitoring services (b).
- Không nhận khiếu nại trong trường hợp không có mẫu lưu hoặc hết hạn lưu mẫu theo quy định/ We shall not accept any complaint in case the retention samples are expired or lack of retention samples.



Mã số/ Code: DV240603.01/03.1

STT No.	Chỉ tiêu Parameter(s)	Đơn vị Unit	Kết quả Result(s)	Phương pháp thử Test Method	Giới hạn cho phép
22	<i>Staphylococci</i> dương tính với <i>coagulase</i> *	CFU/g	KPH (LOD = 10)	TCVN 4830-1:2005	10 <sup>(5)</sup>
23	<i>Clostridium perfringens</i> *	CFU/g	KPH (LOD = 10)	TCVN 4991:2005	10 <sup>(5)</sup>
24	<i>Bacillus cereus</i> *	CFU/g	KPH (LOD = 10)	TCVN 4992:2005	10 <sup>(5)</sup>

**Ghi chú/ Note:**

- KPH: Không phát hiện.
- LOD: Giới hạn phát hiện của phương pháp.
- Thuốc BVTV: Thuốc bảo vệ thực vật
- (1): Tiêu chuẩn cơ sở công ty Công ty Cổ phần Bánh mứt kẹo Bảo Minh
- (2): Thông tư số 24/2019/TT-BYT: Quy định về việc quản lý và sử dụng phụ gia thực phẩm
- (3): QCVN 8-1:2011/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với giới hạn ô nhiễm độc tố vi nấm trong thực phẩm
- (4): QCVN 8-2:2011/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với giới hạn ô nhiễm kim loại nặng trong thực phẩm
- (5): Quyết định 46/2007/QĐ-BYT: Quyết định về việc ban hành quy định giới hạn tối đa ô nhiễm sinh học và hóa học trong thực phẩm
- (-): Không quy định



**PHÒNG KIỂM NGHIỆM**  
 QC Manager

**VŨ THỊ KIM THANH**

**VIỆN TRƯỞNG**  
 DIRECTOR



**TRẦN TRỊNH CÔNG SƠN**

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm/ Test result in this report are valid only for the items tested.
2. Không được trích dẫn một phần kết quả này nếu không được sự đồng ý của VNTEST/ This report will not be reproduced or republished without VNTEST approval.
3. Tên mẫu và tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của khách hàng/ Name of sample and customer are written as customer's request.
4. Các chỉ tiêu được công nhận ISO/IEC 17025:2017 đánh dấu (\*), thực hiện bởi nhà thầu phụ đánh dấu (\*\*)/ Items are accredited ISO/IEC 17025:2017 (\*), Items are tested by subcontractors (\*\*).
5. Chỉ tiêu được Bộ Nông nghiệp & Phát triển nông thôn chỉ định đánh dấu (a), được Bộ Tài nguyên & Môi trường cấp giấy chứng nhận Vimcerts đánh dấu (b)/ Items designated by Ministry of agriculture and rural development (a), The Ministry of Natural Resources and Environment issued a certificate of eligibility to provide environmental monitoring services (b).
6. Không nhận khiếu nại trong trường hợp không có mẫu lưu hoặc hết hạn lưu mẫu theo quy định/ We shall not accept any complaint in case the retention samples are expired or lack of retention samples.



Mã số/ Code: DV240603.01/03.2

# PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM/ TEST RESULT

## I. THÔNG TIN CHUNG/ GENERAL INFORMATION

1. Tên Khách hàng/ Customer's Name : CÔNG TY CỔ PHẦN BÁNH MỨT KẸO BẢO MINH
2. Địa chỉ/ Address : Lô B2-3-3A Khu Công Nghiệp Nam Thăng Long (Khu B), Phường Thụy Phương, Quận Bắc Từ Liêm, Hà Nội
3. Tên mẫu thử/ Name of Sample : Bánh Khảo Sữa Đậu Xanh Đặc Biệt
4. Mô tả mẫu/ Sample Description : Mẫu nguyên thành phẩm, đựng trong túi kín, NSX: 25/05/2024, HSD: 25/09/2024
5. Ngày nhận mẫu/ Date sample received : 03/06/2024
6. Thời gian lưu mẫu/ Sample retention time : Lưu mẫu 15 ngày sau thử nghiệm
7. Ngày thử nghiệm/ Date of test : 03/06/2024-14/06/2024
8. Ngày trả kết quả/ Date of issue : 14/06/2024

## II. KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM/ RESULT TABLE

STT No.	Chỉ tiêu Parameter(s)	Đơn vị Unit	Kết quả Result(s)	Phương pháp thử Test Method
1	Năng lượng	Kcal/100g	380,9	VNT.H.03.Fo.277
2	Chất đạm (Protein)*	%	5,78	TCVN 8125:2015
3	Carbohydrate	%	83,37	VNT.H.03.Fo.187
4	Đường tổng số (Total sugars)	%	44	TCVN 4074:2009
5	Chất béo (Fat)*	%	2,7	TCVN 4072:2009
6	Chất béo bão hòa (Saturated Fat)	%	1,04	AOAC 996.06

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm/ Test result in this report are valid only for the items tested.
2. Không được trích dẫn một phần kết quả này nếu không được sự đồng ý của VNTEST/ This report will not be reproduced or republished without VNTEST approval.
3. Tên mẫu và tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của khách hàng/ Name of sample and customer are written as customer's request.
4. Các chỉ tiêu được công nhận ISO/IEC 17025:2017 đánh dấu (\*), thực hiện bởi nhà thầu phụ đánh dấu (\*\*)/ Items are accredited ISO/IEC 17025:2017 (\*), Items are tested by subcontractors (\*\*).
5. Chỉ tiêu được Bộ Nông nghiệp & Phát triển nông thôn chỉ định đánh dấu (a), được Bộ Tài nguyên & Môi trường cấp giấy chứng nhận Vimcerts đánh dấu (b)/ Items designated by Ministry of agriculture and rural development (a), The Ministry of Natural Resources and Environment issued a certificate of eligibility to provide environmental monitoring services (b).
6. Không nhận khiếu nại trong trường hợp không có mẫu lưu hoặc hết hạn lưu mẫu theo quy định/ We shall not accept any complaint in case the retention samples are expired or lack of retention samples.



Mã số/ Code: DV240603.01/03.2

STT No.	Chỉ tiêu Parameter(s)	Đơn vị Unit	Kết quả Result(s)	Phương pháp thử Test Method
7	Natri (Na)	mg/100g	24,6	TCVN 10916:2015
8	Bảng thành phần dinh dưỡng/ Nutrition facts	-	Xem bảng đính kèm	-

**Ghi chú/ Note:**

- Kết quả chỉ có giá trị trên mẫu thử. Biểu mẫu bảng dinh dưỡng chỉ có giá trị tham khảo. Quý khách vui lòng xem quy định hiện hành / Test results are valid only for test sample. The nutrition facts form is valid conference only. The customer should update it and comply with regulation currently.

**PHÒNG KIỂM NGHIỆM**  
 QC Manager

**VŨ THỊ KIM THANH**

**VIỆN TRƯỞNG**  
 DIRECTOR



**Ths. TRỊNH CÔNG SƠN**

- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm/ Test result in this report are valid only for the items tested.
- Không được trích dẫn một phần kết quả này nếu không được sự đồng ý của VNTEST/ This report will not be reproduced or republished without VNTEST approval.
- Tên mẫu và tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của khách hàng/ Name of sample and customer are written as customer's request.
- Các chỉ tiêu được công nhận ISO/IEC 17025:2017 đánh dấu (\*), thực hiện bởi nhà thầu phụ đánh dấu (\*\*)/ Items are accredited ISO/IEC 17025:2017 (\*), Items are tested by subcontractors (\*\*).
- Chỉ tiêu được Bộ Nông nghiệp & Phát triển nông thôn chỉ định đánh dấu (a), được Bộ Tài nguyên & Môi trường cấp giấy chứng nhận Vimcerts đánh dấu (b)/ Items designated by Ministry of agriculture and rural development (a), The Ministry of Natural Resources and Environment issued a certificate of eligibility to provide environmental monitoring services (b).
- Không nhận khiếu nại trong trường hợp không có mẫu lưu hoặc hết hạn lưu mẫu theo quy định/ We shall not accept any complaint in case the retention samples are expired or lack of retention samples.

## BẢNG THÀNH PHẦN DINH DƯỠNG/ NUTRITION FACTS

THÔNG TIN DINH DƯỠNG (NUTRITION FACTS)			
Thành phần dinh dưỡng	Trên 100 g		% giá trị dinh dưỡng tham chiếu (NRV)*
Năng lượng (Energy)	380.9	Kcal	19%
Chất đạm (Protein)	5.7	g	12%
Carbohydrate	83.3	g	26%
Đường tổng số (Total Sugars)	44	g	-
Chất béo (Fat)	2.7	g	5%
Chất béo bão hoà (Saturated Fat)	1.0	g	5%
Natri (Sodium)	24.6	mg	1%

\* % giá trị dinh dưỡng tham chiếu được tính dựa trên chế độ ăn 2.000kcal/người/ngày.

- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm/ Test result in this report are valid only for the items tested.
- Không được trích dẫn một phần kết quả này nếu không được sự đồng ý của VNTEST/ This report will not be reproduced or republished without VNTEST approval.
- Tên mẫu và tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của khách hàng/ Name of sample and customer are written as customer's request.
- Các chỉ tiêu được công nhận ISO/IEC 17025:2017 đánh dấu (\*), thực hiện bởi nhà thầu phụ đánh dấu (\*\*)/ Items are accredited ISO/IEC 17025:2017 (\*), Items are tested by subcontractors (\*\*).
- Chỉ tiêu được Bộ Nông nghiệp & Phát triển nông thôn chỉ định đánh dấu (a), được Bộ Tài nguyên & Môi trường cấp giấy chứng nhận Vimcerts đánh dấu (b)/ Items designated by Ministry of agriculture and rural development (a), The Ministry of Natural Resources and Environment issued a certificate of eligibility to provide environmental monitoring services (b).
- Không nhận khiếu nại trong trường hợp không có mẫu lưu hoặc hết hạn lưu mẫu theo quy định/ We shall not accept any complaint in case the retention samples are expired or lack of retention samples.